

Năm chìa khóa đầu mỗi đi vào triết học Thắng Nghĩa

I. Tóm tắt

Bài viết phân tích năm “đầu mối” như chìa khóa để đi vào triết học Thắng Nghĩa Lý Đông A nhằm tìm hiểu sinh mệnh và phát triển xã hội. Khác với nhiều hệ tư tưởng cổ điển thiên về siêu hình hoặc đạo đức, năm đầu mối bắt nguồn từ quy luật tự nhiên của sự sống: tự tồn tại, tự phát triển và hỗ tương. Từ đó, bài viết chứng minh tính ứng dụng của các đầu mối trong ba lãnh vực trọng yếu: giáo dục, kinh tế, và chính trị. Cuối cùng, nghiên cứu so sánh các chìa khóa đầu mối này với một số tư duy triết học lớn như Nho, Lão, Phật, Husserl và Nietzsche, nhằm làm rõ tính độc đáo, hiện đại và khả năng dung hòa, tổng hợp Đông-Tây.

II. Mở đầu

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam thế kỷ XX, Lý Đông A là một nhân vật đặc biệt: chủ trương xây dựng một nền triết học dân tộc nhưng không cô lập khỏi thế giới, đồng thời tập đại thành truyền thống Đông phương với phương pháp luận, tư duy hiện đại Tây phương.

Lý Đông A đặt ra năm “đầu mối”, là chìa khóa để đi vào lâu đài triết học Thắng Nghĩa. Thắng Nghĩa là vượt lên và tổng hợp các triết học phiên diện Duy Tâm, Duy Vật, Duy Sinh nhằm đưa ra một tầm nhìn lập thể cho nhân loại.

Trong bối cảnh thế giới biến động bởi công nghệ, khủng hoảng giá trị và sự cạnh tranh của các mô hình phát triển, các nguyên lý dựa trên thực tại đời sống chứ không phải đạo lý mơ hồ trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Đó là lý do nghiên cứu năm đầu mối của triết học Thắng Nghĩa trở thành một đóng góp có ý nghĩa cho khoa học xã hội ứng dụng.

III. Đầu mối thứ nhất: Đạo Kỳ là tự kỳ nguyên nhân, là phạm trù vô sai biệt

Đầu mối đầu tiên là quan điểm về Đạo Kỳ. Điều đặc biệt: Đạo Kỳ không bắt đầu từ đạo đức, mà từ sinh học: [bản năng tồn tại của mọi sinh mệnh](#)¹. Điều này giúp tư tưởng của Lý Đông A có cơ sở khách quan, không bị ràng buộc bởi các mô hình đạo đức áp đặt.

Từ đầu mối này, con người khởi sự tìm hiểu, tôi là ai? Quan hệ thế nào với đất trời và đồng loại? Chân lý của đất trời và nhân loại là gì? Ứng xử thế nào để coi là hợp đạo trời và đạo làm người,...? Những câu hỏi tự muôn đời mà chưa có giải đáp hợp lý khiến nhân loại còn trầm luân trong chiến tranh, giành giật danh lợi phù phiếm.

¹ Sinh Mệnh Tâm Lý, trang 2.

Theo Lý Đông A, quy luật đầu tiên của mọi sinh mệnh là tự tồn tại để tiếp tục tồn tại, tương đồng với Dịch học khi Dịch cho rằng: Sinh sinh chi vị Dịch (sinh sinh ra mãi gọi là Dịch). Ông gọi động lực nền tảng đó là “tự kỷ”, liên quan đến thiên tính thứ nhất, là Tình (erós)²: không phải tình cảm lãng mạn, mà là xung năng sinh hóa, “vì sinh là logique chính nhất và chủ yếu của đại hóa”³. “Tình” khiến muôn vật sinh sôi nảy nở, tự bảo vệ, kết hợp, chăm sóc nhau, với người còn là tạo ra cộng đồng, tình trong thủy chung và tiến hóa hướng thượng luôn mãi.

Từ góc độ khoa học hiện đại, nhận định của Darwin (1859) cho rằng sinh tồn và duy trì nòi giống là động lực của tiến hóa, nhưng quan điểm của Lý Đông A sâu sắc hơn, là thực hiện phạm trù người, lối sống người (nhân đạo) mới thực sự là động lực tiến hóa có tính chủ quan, vì người thực hiện đối lập trong thống nhất, không đối lập triệt tiêu mạnh được yếu thua như tự nhiên giới. Trong sinh học xã hội, E. O. Wilson (2000) nhấn mạnh sinh vật không chỉ cạnh tranh mà còn hợp tác để tăng khả năng tồn tại của loài mình. Điều này trùng hợp với cơ chế hai chiều của Đạo Kỳ: Tự Kỷ (self-preservation, self being) và Hỗ Tương (mutualism). Nhưng Người hợp tác có ý thức trong sự hỗ tương lẫn nhau, ông kiến “hợp tác” trong vô thức khi tìm kiếm thức ăn khiến cây cỏ phát triển.

Mặc dù sinh mệnh nào cũng tự tìm mọi cách để tồn tại (tự kỷ nguyên nhân), nhưng không ai có thể sống một mình mà vừa phải nương nhờ vào nhau, vừa tác động tới những người khác, được gọi là hỗ tương nguyên nhân.

IV. Đầu mỗi thứ năm: Tự kỷ nguyên nhân là hỗ tương nguyên nhân

1. Tự Kỷ: tính chủ thể của con người

Điểm cao nhất của sinh mệnh là con người có Tự Ngã. Tự Kỷ (tự mình, do mình) bao gồm ba năng lực:

- Tự chủ: điều khiển hành vi, chống lại bản năng mù quáng.
- Tự giác: nhận thức chính mình.
- Tự động: tự hành động, sáng tạo, lựa chọn, không bị ép buộc.

Khác với quan niệm “vô ngã” của Phật học, Lý Đông A cho rằng con người có chủ thể, có trách nhiệm và có sứ mệnh sống, được gọi là nhân chủ. Ở đây, Tự Kỷ không đối lập với đạo đức, mà là tiền đề của đạo đức: không có chủ thể, không có trách nhiệm.

² Sinh Mệnh Tâm Lý, trang 4.

³ Sinh Mệnh Tâm Lý, trang 4.

2. Hỗ tương: tương tác hai chiều với xã hội và môi trường, theo công thức: Ý tha => Tự kỷ => Động tha⁴

Sinh mệnh không tồn tại tách biệt mà có liên hệ hỗ tương. Lý Đông A phân tích hai trạng thái:

- Ý Tha: sinh mệnh bị môi trường chi phối (thực phẩm, khí hậu, xã hội).
- Động Tha: sinh mệnh tác động lại môi trường (lao động, sáng tạo, cải tạo).

Như vậy, cá nhân và môi trường vừa là nguyên nhân, vừa là hệ quả của nhau. Quan hệ xã hội là quan hệ cộng sinh, không phải cạnh tranh tuyệt đối hay phục tùng tuyệt đối. Đây là điểm phân biệt giữa Đạo Kỳ có đạo sống, với chủ nghĩa cá nhân cực đoan và tập thể cực đoan.

Tóm lại, đường sống của tự mình để đi tìm đường đạo trong mối hỗ tương với trời đất (Nhiên), nhân loại (Nhân) và dân tộc (Dân) là tự kỷ nguyên nhân, là ý nghĩa của Đạo Kỳ. Con người tồn tại không chỉ biết đến có mình, giết hại người khác hoặc vơ vét cho mình và đồng đảng mà quên đi đồng bào và đồng loại. Đây là đạo lý làm người trong tương quan với nhau.

V. Các đầu mối còn lại

- Tinh thần với vật chất hỗ tương nguyên nhân: chân ý nghĩa của sinh mệnh
- Vận động và kết hợp hỗ tương nguyên nhân: chân ý nghĩa của sinh hoạt
- Bản vị và cơ năng hỗ tương nguyên nhân: chân ý nghĩa của sinh tồn

Vũ trụ (Nhiên) là một bản vị mệnh mông mà trí óc con người chưa biết giới hạn của nó ở đâu, nhưng người ta thấy sự vận hành của đất trời trong qui củ trật tự. Nhân loại (Nhân) và dân tộc (Dân) là các cơ năng thành phần của bản vị Nhiên bao la đó. Như vậy Nhiên-Nhân-Dân có mối liên hệ nhất quán với nhau.

Để tồn tại vững mạnh lâu dài, cơ năng và bản vị không thể đối kháng mà phải hợp tác với nhau. Con người (Nhân) không thể khai thác tự nhiên (Nhiên) quá mức đến độ gây nguy hại cho môi trường sống, sẽ tự tiêu diệt mình và các loài khác, điều đang xảy ra khắp nơi. Các liên hệ khác cũng là sự hỗ tương trong đối lập thống nhất: cơ năng cá nhân và bản vị tập thể; các cơ năng nhân dân và bản vị nhà nước; cơ năng dân tộc và bản vị nhân loại. Có giác ngộ được mối liên hệ hỗ tương giữa cơ năng và bản vị, nhân loại mới dần tránh được nguy cơ mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé. Và có giác ngộ

⁴ Chìa Khóa Thăng Nghĩa, trang 12.

như thế thì chính trị không còn là tranh chấp quyền hành giữa các chính đảng hay sự cai trị độc đảng, mà phải thay đổi tư duy và thiết kế lại quan hệ của quyền lý.

Một vấn đề của triết học Tây phương từ Descartes đến Husserl là tranh luận về ưu thế của chủ thể hay khách giới. Duy Tâm đề cao ý thức; Duy Vật ngợi ca vật chất; triết học Thắng Nghĩa (vượt thắng các chủ nghĩa phiến diện) bổ túc cho hai thái cực trên. Tinh thần và vật chất là hỗ tương nguyên nhân. Không ai chỉ sống vì tinh thần hay vật chất, bởi đời sống vốn là sự hiện hữu của hai mặt đối lập cùng tồn tại như nắng-dương mưa-âm, đặc biệt điều đó rất rõ ràng với nền văn minh nông nghiệp Việt tộc.

VI. Chân lý của ba tầng Nhiên-Nhân-Dân

1. Chân lý của tầng Nhiên là vô nguyên, khách quan và tương đối. Cho tới nay, khoa học khám phá vũ trụ tự nhiên xuất hiện qua Vụ Nổ lớn (Big Bang), từ lúc đó mới bắt đầu có thời gian và không gian. Sự hiện hữu của vũ trụ không biết đâu là đầu, đâu là cuối, qua trùng trùng duyên khởi và cứu cánh, được gọi là “vô nguyên”. Khi chân lý của Nhiên là vô nguyên, quan điểm tín ngưỡng cực đoan khùng bố nhau với niềm tin do thượng đế sai khiến là bất hợp lý. Vũ trụ tồn tại dù có con người hay không, mang tính khách quan. Chân lý ở tầng Nhiên (duy nhiên) thì tương đối như thời tiết và thổ nhưỡng luôn thay đổi, nắng mưa bất chợt.
2. Chân lý của tầng Nhân là chủ quan, nhất nguyên tuyệt đối. Con người dù khác tiếng nói màu da nhưng cùng một bản tính và bản thể, có cùng thiên tính và các nhân tính phụ đới trong “xã hội tự tính”, bao gồm [sắc tính](#), [nhu yếu tính](#), [xã hội tính](#) và tự vệ tính⁵. Từ xã hội tự tính mà xã hội được thành lập. Vì là nhất tính, chân lý của tầng Nhân có tính nhất nguyên tuyệt đối. Chủ quan được hình thành qua sự tương tác (não bộ, kinh nghiệm xã hội), con người chủ động thay đổi môi trường và đời sống một cách hướng thượng: nếu chân lý khách quan ở Nhiên (duy nhiên) là quan hệ của bản năng giao phối đực-cái lẫn lộn hay của mệnh được yếu thua, khi sang tầng Nhân (duy nhân), chân lý chủ quan là vận động và kết hợp để đực-cái thành vợ-chồng, mệnh-yếu thành hỗ tương, đối lập thống nhất cùng tồn tại. Người cần phải được đối xử bình đẳng, không thể là quan hệ thiên tử-chư hầu, cai trị-bị trị, cũng không thể sử dụng ưu thế tài chánh để khai thác người, dân tộc khác yếu thế hơn. Đây là sai lầm chí tử của Marx, chỉ thấy khách quan mà không nhận ra chủ quan, áp dụng trực tiếp luật mâu thuẫn của

⁵ Bình Sản Kinh Tế, trang 2, 3.

tự nhiên (Nhiên) vào xã hội người (Nhân) thành đấu tranh giai cấp, gây biết bao đổ vỡ.

3. Chân lý nhất nguyên tuyệt đối của Nhân khi áp dụng vào tầng Dân (duy dân), do giới hạn bởi tài nguyên, lịch sử, văn hóa... mỗi nơi mỗi khác mà Dân thành đa nguyên tương đối phải được tôn trọng, không thể xóa bỏ dân tộc để tiến tới đại đồng như cộng sản chủ trương. Cùng là hôn nhân trong quan hệ sắc tính một vợ một chồng, nhưng cách thức tổ chức của người Việt khác người Mỹ hay với các dân tộc khác. Về nhu yếu tính (ăn, mặc, ở..., rộng ra là kinh tế), thực phẩm chính yếu của người Việt là lúa gạo, của người Mỹ có thể là lúa mì.

Vậy Nhân là gốc của Dân. Hiến pháp Dân phải dựa trên nền tảng Nhân mới thực tiễn và tồn tại lâu dài. Đây là bước nối kết giữa triết học ý thức và triết học hành động, giữa khách quan và chủ quan.

Từ những điểm trên, triết học trở thành khoa học cụ thể của đời sống, không còn là siêu-hình-học trừu tượng.

VII. So sánh triết học Thăng Nghĩa với các hệ tư tưởng lớn

Nếu sự tổ chức xã hội và đạo đức cộng đồng của Nho giáo khiến cá nhân dễ bị hy sinh cho tập thể, Thăng Nghĩa với đầu mối cơ năng-bản vị giúp tạo cá nhân là nền của xã hội. Xã hội mạnh khi cá nhân mạnh.

Từ bi, vô ngã, thoát khổ của Phật giáo bị giới hạn bởi thoát ly đời sống, động lực phát triển yếu; Thăng Nghĩa với đầu mối đạo kỷ khẳng định tự kỷ, sống giữa đời để xây dựng đời.

Lão giáo cổ động sự hài hòa với tự nhiên, sống vô vi dễ thụ động; Thăng Nghĩa với đầu mối vận động và kết hợp, tiến hóa không ngừng.

Nietzsche khẳng định sức mạnh cá nhân với ý chí sáng tạo, gây ra sự cực đoan quá đáng và thiếu hỗ tương; Thăng Nghĩa tạo sự cân bằng: cá nhân mạnh và xã hội cùng mạnh.

Với Husserl, chủ thể là trung tâm tri nhận, thiếu cơ sở sinh học – xã hội; với Thăng Nghĩa, tự kỷ gắn với sinh tồn thực tiễn.

Tóm lại, Thăng Nghĩa không phủ nhận các tư tưởng khác, mà dung hợp và vượt lên bằng nền tảng sinh mệnh học.

VIII. Ứng dụng Thắng Nghĩa trong xã hội hiện đại

1. Giáo dục: Thắng Nghĩa trong giáo dục là nhằm tạo con người tự chủ, không phải con người phụ thuộc. Giáo dục truyền thống Á Đông thiên về dạy trẻ vâng lời, còn giáo dục hiện đại nhiều nơi thiên về kỹ thuật nghề nghiệp. Thắng Nghĩa yêu cầu cao hơn:

1.1 Tự chủ: học sinh biết tự học, tự tìm mục tiêu, tự chịu trách nhiệm.

1.2 Hỗ tương: biết hợp tác, sáng tạo giá trị chung.

1.3 Hướng thượng: không chỉ tồn tại mà phải tiến bộ hướng thượng. Không tự chủ hướng thượng (còn gọi là nhân chủ), khoa học tân tiến chế tạo bom đạn để tiêu diệt lẫn nhau.

Thay vì “học để lấy điểm”, giáo dục theo Thắng Nghĩa là học để tồn tại, thích ứng và phát triển. Điều này tương đồng với lý thuyết “giáo dục khai phóng” của Martha Nussbaum (2010), nhưng sâu hơn ở nền tảng sinh mệnh: không có Tự Kỷ, không thể có tự do.

Xã hội có thể tạo những ứng dụng về giáo dục như:

- Chương trình đào tạo nhấn mạnh kỹ năng tự học.
- Học sinh tham gia dự án cộng đồng để học cách hỗ tương.
- Đánh giá năng lực thực thay vì chỉ điểm số.

Khi mỗi cá nhân tự chủ, xã hội không cần “quản” nhiều mà vẫn văn minh.

2. Về kinh tế, cần tạo năng lực thật và hợp tác thật. Một nền kinh tế yếu, khi:

- Người lao động ỷ lại.
- Doanh nghiệp chụp giựt.
- Nhà nước can thiệp không đúng chỗ.

Thắng Nghĩa tạo mô hình ba trụ cột:

2.1 Tự Kỷ của doanh nghiệp

- Sáng tạo.
- Chất lượng thật.
- Cạnh tranh bằng năng lực, không bằng quan hệ.

2.2 Tự Kỷ của người lao động

- Tay nghề thật.
- Tư duy tiến bộ.
- Tự chịu trách nhiệm và tự bảo vệ quyền lợi.

2.3 Hỗ tương trong xã hội

- Luật lệ minh bạch.
- Hợp tác công – tư.
- Doanh nghiệp phục vụ xã hội, xã hội bảo vệ doanh nghiệp chân chính.

Mô hình này gần với kinh tế xã hội thị trường Đức (Hall & Soskice, 2001), nhưng có nền sinh mệnh học: động lực phát triển đến từ bản năng tồn tại hướng thượng, không phải từ mệnh lệnh chính trị.

3. Về chính trị, dân chủ phải có sức sống. Dân chủ dễ thất bại, khi:

- Dân không đủ năng lực làm chủ.
- Nhà nước mạnh nhưng nhân dân yếu, hoặc ngược lại.

Thăng Nghĩa chủ trương cân bằng: Nhà nước bảo vệ quyền sống và quyền phát triển của dân; nhân dân tự chủ về tư duy, kinh tế, và trách nhiệm xã hội. Xã hội không để tập thể biến thành bạo lực, dè bẹp cá nhân, mà tạo điều kiện để cá nhân phát huy hết khả năng và tiềm lực.

Khác với mô hình “cá nhân hy sinh cho tập thể” và “ai sống nấy lo” (tự do cực đoan), Thăng Nghĩa yêu cầu:

- Cá nhân mạnh thì cộng đồng mạnh.
- Cộng đồng bảo vệ cá nhân, cá nhân phục vụ cộng đồng.

Điều này tương đồng với “dân chủ năng lực” của Amartya Sen (1999), nhưng có nền tảng sâu hơn: năng lực chính trị bắt nguồn từ tự kỷ sinh mệnh.

IX. Ý nghĩa khoa học và triển vọng

Thăng Nghĩa đưa ra ba điểm đột phá:

1. Triết học từ đời sống, không từ siêu hình.
2. Cá nhân là nền của xã hội, nhưng không tách khỏi xã hội.
3. Sự phát triển là quy luật tự nhiên, không phải khẩu hiệu.

Trong thời đại toàn cầu hóa, nhiều quốc gia rơi vào hai thái cực:

- Cá nhân cực đoan (phá vỡ cộng đồng).
- Tập thể cực đoan (đàn áp cá nhân).

Thăng Nghĩa là mô hình hài hòa và hiện đại, có thể ứng dụng vào giáo dục, kinh tế, chính trị, quốc gia và văn hóa.

X. Kết luận

Thăng Nghĩa là triết học của sinh tồn và phát triển, chỉ ra rằng:

- Không ai có thể sống thay ai.
- Nhưng không ai có thể sống một mình.
- Tự Kỳ là gốc của đời sống có ý thức.
- Hỗ tương là điều kiện của tồn tại lâu dài.
- Phát triển là quy luật của vũ trụ.

Với nền tảng nêu trên, Thắng Nghĩa có thể trở thành đóng góp quan trọng của tư tưởng Việt Nam vào kho tàng triết học nhân loại.

20/11/2025

Tạ Dzu

(Với sự hỗ trợ của ChatGPT về cách thức trình bày, thu thập tài liệu tham khảo, và dịch thuật. Nhiều từ, cụm từ Lý Đông A sử dụng có thể chưa được dịch chính xác vì không có từ tương đương trong tiếng Anh).

Tham khảo:

- Darwin, C. (1859). *On the Origin of Species*. London: John Murray.
- Hall, P., & Soskice, D. (2001). *Varieties of Capitalism: The Institutional Foundations of Comparative Advantage*. Oxford University Press.
- Husserl, E. (1913). *Ideas Pertaining to a Pure Phenomenology and to a Phenomenological Philosophy*. Germany: Niemeyer.
- [Lý Đông A. \(không ghi năm\). *Chìa Khóa Thắng Nghĩa*. Học Hội Thắng Nghĩa \(bản lưu truyền\).](#)
- [Lý Đông A. \(1942\). *Sinh Mệnh Tâm Lý*. Học Hội Thắng Nghĩa \(bản lưu truyền\).](#)
- [Lý Đông A. \(1945\). *Bình Sản Kinh Tế*. Học Hội Thắng Nghĩa \(bản lưu truyền\).](#)
- Nussbaum, M. (2010). *Not for Profit: Why Democracy Needs the Humanities*. Princeton University Press.
- Sen, A. (1999). *Development as Freedom*. Oxford University Press.

Five Entry Keys into Thăng Nghĩa Philosophy

I. Abstract

This paper analyzes five “entry keys” that serve as gateways into Ly Dong A’s Thăng Nghĩa philosophy, offering a framework for understanding life and social development. Unlike many classical systems oriented toward metaphysics or moral doctrines, these five keys originate in the natural laws of life itself: self-existence, self-development, and mutuality. From this basis, the paper demonstrates the applicability of these keys in three major areas: education, economics, and politics. Finally, it compares these keys with major philosophical traditions such as Confucianism, Daoism, Buddhism, Husserlian phenomenology, and Nietzschean thought, clarifying their uniqueness, modernity, and capacity for East–West synthesis.

II. Introduction

In the intellectual history of twentieth-century Vietnam, Ly Dong A stands out as a distinctive thinker: he sought to construct a national philosophy that was not isolated from the world, while also integrating Eastern traditions with modern Western methodologies and reasoning.

Ly Dong A proposed five “entry keys” as gateways into the edifice of Thăng Nghĩa philosophy. Thăng Nghĩa transcends and synthesizes the one-sided philosophies of Idealism, Materialism, and Vitalism, offering instead a three-dimensional integrative worldview.

In an age of technological upheaval, value crises, and competition between development models, principles grounded in the realities of life—not abstract moralism—are more necessary than ever. Thus, studying the five entry keys of Thăng Nghĩa becomes a meaningful contribution to applied social science.

III. First Entry Key: Đạo Kỳ as Self-Causation—the Category of Non-Differentiation

The first key is the concept of Đạo Kỳ. Its uniqueness lies in the fact that Đạo Kỳ does not begin from moral philosophy but from biology: the instinct of self-preservation common to all living beings. This gives Ly Dong A’s thought an objective foundation, free from imposed moral frameworks.

From this starting point, humans confront perennial questions: *Who am I? What is my relationship to nature and to others? What is the truth of heaven-and-earth and of humanity? How should one act in accordance with the Dao of nature and the Dao of*

being human? These ancient questions, lacking satisfying solutions, have left humankind mired in war, vanity, and the pursuit of empty ambitions.

According to Ly Dong A, the first law of all life is to persist in existence—a view consonant with the Book of Changes, where “*ceaseless generation is called Change*”. He called this fundamental drive “self-causing” (tự kỷ nguyên nhân), which relates to the first innate tendency: *Tình* (érōs)—not romantic sentiment, but the energetic impulse of life. “As life is the primary and essential logic of great transformation,” this *Tình* gives rise to reproduction, protection, bonding, and care; in humans, it forms communities, fidelity, and perpetual upward development.

From the perspective of modern science, Darwin (1859) held that survival and reproduction drive evolution. Yet Ly Dong A went further: true evolution becomes subjective when humans realize the human mode of existence, for humans unite opposites rather than annihilating the weak as in the natural world. In social biology, E. O. Wilson (2000) emphasized that organisms do not merely compete but also cooperate to enhance survival—a concept aligned with Đạo Kỳ’s dual mechanism of Self (Tự Kỳ) and Mutualism (Hỗ Tương). But human cooperation is conscious, whereas bees and ants “cooperate” unconsciously.

Although every lifeform strives to persist (self-causation), no being can live entirely alone: all depend on one another while simultaneously affecting one another. This is called mutual causation.

IV. Fifth Entry Key: Self-Causation Is Mutual Causation

1. Tự Kỳ (Selfhood): Human Subjectivity

The highest point of life is the human capacity for selfhood. Tự Kỳ includes three abilities:

- Self-mastery: controlling behavior and resisting blind instinct.
- Self-awareness: recognizing oneself.
- Self-action: autonomous action, creativity, and choice.

Contrary to the Buddhist notion of “non-self,” Ly Dong A argued that humans possess subjectivity, responsibility, and a life mission—called *nhân chủ* (human mastery). Here, Tự Kỳ does not oppose ethics; it is the prerequisite for ethics: without a subject, responsibility cannot exist.

2. Mutuality (Hỗ Tương): Two-Way Interaction with Society and Environment

Ly Dong A identifies two states:

- Ý Tha (dependence): being shaped by the environment (food, climate, society).
- Động Tha (other-acting): acting upon the environment (labor, creativity, transformation).

Thus, individual and environment are simultaneously causes and effects of one another. Social relations are symbiotic—not absolute competition nor absolute submission. This is the crucial distinction between Đạo Kỳ and both extreme individualism and extreme collectivism.

In short, one’s own life-path — seeking the Way through mutual resonance with Heaven-and-Earth (*Nhiên*), Humanity (*Nhân*), and Nation (*Dân*)—is precisely the “self-causal principle,” the meaning of *Đạo Kỳ*. Humans do not exist solely for themselves, harming others for selfish gain; rather, moral life arises from reciprocal relations.

V. The Remaining Entry Keys

- Mind and matter as mutual causation: the true meaning of *life*.
- Motion and combination as mutual causation: the true meaning of *activity*.
- Individual unit (bản vị) and functional capacity (cơ năng) as mutual causation: the true meaning of *existence*.

The universe (*Nhiên*) is an immense “unit,” whose limits remain unknown, yet its operations follow orderly patterns. Humanity (*Nhân*) and nations (*Dân*) are functional components of this vast cosmic unit. Thus, *Nhiên*–*Nhân*–*Dân* maintain a coherent relationship.

For enduring existence, functional capacity and unit-structure must cooperate rather than oppose each other. Humans must not exploit nature excessively, lest they destroy themselves—a danger now unfolding globally. Other relationships also exhibit mutuality: individual function and collective unit; the people as function and the state as unit; national function and human-civilizational unit.

Recognizing this mutuality prevents the “might makes right” pattern. Politics must shift from power struggle to rethinking the logic of authority.

Western philosophy’s long debate—from Descartes to Husserl—about the primacy of subject or object culminates in two extremes: Idealism and Materialism. *Thắng Nghĩa* transcends both: mind and matter are mutually causal. No one lives purely for mind or matter; life is the coexistence of opposites, as sunlight and rain, especially clear in Vietnam’s agrarian civilization.

VI. The Truth of the Three Levels: *Nhiên* – *Nhân* – *Dân*

1. The Level of Nature (Nhiên): Non-origination, Objectivity, Relativity

Science holds that the universe emerged from the Big Bang, marking the beginning of time and space. Its existence is without discernible beginning or end—thus, “non-origination.” Natural truth is objective and relative, like weather and soil that constantly change. Hence, extremist theistic violence is irrational.

2. The Level of Humanity (Nhân): Subjective, Absolutely Monistic

Despite linguistic and racial differences, humans share the same fundamental nature and “social self-nature”: sex nature, need nature, social nature, and self-defense nature. Because this nature is single, truth at the human level is absolute and monistic.

Here, subjective truth transforms natural relationships: from random biological mating in nature to structured marriage; from “might makes right” to mutuality and unity of opposites. Inequality between humans becomes unjustifiable. Marx’s fatal error was applying natural contradiction (Nhiên) directly to human society (Nhân), resulting in class struggle and destruction.

3. The Level of Nation (Dân): Relative Plurality

While humanity has one nature, nations differ by geography, resources, and culture; thus, national truths are plural and relative. One cannot erase nations for an imagined communist “universal community.”

Nhân is the foundation of Dân; national constitutions must rest on human nature to endure. Here lies the bridge between philosophies of consciousness and action, between objectivity and subjectivity. Philosophy thus becomes a concrete science of life, not abstract metaphysics.

VII. Comparing the Entry Keys with Major Traditions

- **Confucianism:** its social ethics often sacrifice individuals to the collective; Thăng Nghĩa, with its unit–function key, strengthens both the individual and society.
- **Buddhism:** compassion and non-self aim at liberation from life, weakening development; Thăng Nghĩa affirms selfhood and building life from within it.
- **Daoism:** harmony with nature may become passive; Thăng Nghĩa emphasizes ceaseless motion and combination.
- **Nietzsche:** strong individual will becomes extreme and lacks mutuality; Thăng Nghĩa balances individual strength with collective strength.

- **Husserl:** subject-centered phenomenology lacks bio-social grounding; Thảng Nghĩa roots selfhood in real existence.

Thảng Nghĩa does not reject other philosophies; it synthesizes and transcends them through a biophilosophical foundation.

VIII. Applications in Modern Society

1. Education

Education under Thảng Nghĩa aims to create self-mastering human beings, not dependent ones. It requires:

- 1.1 Self-mastery: autonomous learning and responsibility.
- 1.2 Mutuality: collaboration and creation of shared value.
- 1.3 Upward development: not merely surviving, but elevating life (nhân chủ).

This aligns with Martha Nussbaum's liberal education but goes deeper: without Tự Kỷ, freedom cannot exist.

2. Economics

A weak economy arises when workers depend passively, businesses exploit opportunistically, and the state intervenes improperly. Thảng Nghĩa proposes three pillars:

- Business Selfhood: creativity, real quality, competence-based competition.
- Worker Selfhood: real skills, progressive mindset, responsibility.
- Social Mutuality: transparency, public-private cooperation, social protection of genuine enterprises.

This resembles the German social market economy (Hall & Soskice, 2001) but grounded in biophilosophy.

3. Politics

Democracy fails when citizens lack capacity or when state and society are imbalanced. Thảng Nghĩa calls for:

- Strong individuals create a strong community.
- Community protects individuals; individuals serve community.
- The root of political capacity is biological selfhood (Tự Kỷ), not political slogans.

This parallels Amartya Sen's capability approach but rests on deeper ontological grounding.

IX. Scientific Value and Prospects

Thăng Nghĩa introduces three breakthroughs:

1. Philosophy rooted in life, not metaphysics.
2. The individual as the foundation of society, yet inseparable from it.
3. Development as a natural law, not a slogan.

In the global age, nations oscillate between:

- Extreme individualism (fragmenting community).
- Extreme collectivism (oppressing individuals).

Thăng Nghĩa offers a balanced, modern model applicable to education, economics, politics, and culture.

X. Conclusion

Thăng Nghĩa is a philosophy of survival and development, affirming that:

- No one can live life on behalf of another.
- No one can live entirely alone.
- Selfhood (Tự Kỷ) is the root of conscious life.
- Mutuality (Hỗ Tương) is the condition for long-term existence.
- Development is the law of the universe.

On this foundation, Thăng Nghĩa may become a significant Vietnamese contribution to world philosophy.

November 20, 2025

Tạ Dzu

(With the support of ChatGPT for presentation, reference gathering, and translation. Many of the terms and expressions used by Lý Đông A may not have been translated accurately, as there are no exact English equivalents).

References

- Darwin, C. (1859). *On the Origin of Species*. London: John Murray.
- Hall, P., & Soskice, D. (2001). *Varieties of Capitalism: The Institutional Foundations of Comparative Advantage*. Oxford University Press.

- Husserl, E. (1913). *Ideas Pertaining to a Pure Phenomenology and to a Phenomenological Philosophy*. Germany: Niemeyer.
- [Ly Dong A. \(no year\). Chia Khoa Thang Nghia. Thang Nghia Society](#) (manuscript).
- [Ly Dong A. \(1942\). Sinh Menh Tam Ly. Thang Nghia Society](#) (manuscript).
- [Ly Dong A. \(1945\). Binh San Kinh Te. Thang Nghia Society](#) (manuscript).
- Nussbaum, M. (2010). *Not for Profit: Why Democracy Needs the Humanities*. Princeton University Press.
- Sen, A. (1999). *Development as Freedom*. Oxford University Press.